TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 8 - 2023
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Lâm
2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 08 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 191/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: 113/3 ấp T, xã M, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phan Hoàng K, sinh năm 1981; nơi cư trú: 68/1 ấp T, xã M, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai, Đơn xin xét xử vắng mặt trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2005 chị và anh K có quen biết rồi tiến tới hôn nhân, chị và anh K đăng ký kết hôn tại UBND xã M. Cuộc sống hôn nhân của chị và anh K thời gian gần đây bất đồng quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nguyên nhân là do từ khoảng năm 2022 vợ chồng có nhiều bất hòa trong cuộc sống do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng còn nên chị yêu cầu ly hôn anh K. Chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung. Phan Tùng Q, sinh ngày 06/3/2005 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết, cháu Phan Huỳnh T, sinh ngày

01/01/2015 hiện đang sống cùng chị, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: chị và anh K không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do điều kiện hiện nay chị bận việc làm ăn nên chị xin được vắng mặt trong tất cả các lần tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án nêu trên. Chị cam kết không khiếu nại gì về sau.

Bị đơn anh Phan Hoàng K đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm*:*

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về nội dung: xét lời trình bày của chị T cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Thấy rằng trong thời gian chung sống chị và anh K đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó có căn cứ xác định hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm Q giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T, chị yêu cầu ly hôn với anh Phan Hoàng K nên đây là tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Phan Hoàng K cư trú tại xã M, huyện T, tỉnh B, do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2] Về tố tụng: chị T có yêu cầu xét xử vắng mặt; anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị T và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 08/6/2006. Do đó hôn nhân của anh, chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị T cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh K đã trải qua khoảng thời gần đây mất hạnh phúc từ việc do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Nên tình cảm vợ chồng không còn, hiện không có khả năng hàn gắn đoàn tụ.

Đối với anh Phan Hoàng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công Ki chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử cùng với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh K cho nên nội dung mà chị T đã trình bày về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh K là có căn cứ chấp nhận. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị chị T là phù hợp.

[4] Về con chung: Cháu Phan Tùng Q, sinh ngày 06/3/2005 đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu giải quyết cháu. Phan Huỳnh T, sinh ngày 01/01/2015 hiện đang sống cùng chị T và chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy chị T có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dạy cháu T để cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Vì vậy giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời ghi nhận việc anh K không cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết. Anh K không có lời trình bày về vấn đề này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị T và anh K được Q khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác (nếu có yêu cầu).

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phan Hoàng K.

Chị T và anh K không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Phan Tùng Q, sinh ngày 06/3/2005 đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu giải quyết cháu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Huỳnh T, sinh ngày 01/01/2015 và ghi nhận việc anh K không cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có Q, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có Q, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có Q yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết; anh K không có lời trình bày về vấn đề này nên không xem xét giải quyết.

Chị T và anh K được Q khởi kiện yêu cầu về việc giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005814 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T xem như đã nộp xong.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Cẩm Nhung

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã Thạnh Hải;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Cẩm Nhung